

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS**



VILAS 357

BN: 260722021

Trang/ Page 1 / 2

Tên khách hàng / Client name: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ RAU CỦ QUẢ YẾN NGỌC**
Địa chỉ / Address: 57/70/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260722021
Tên mẫu/ Name of Sample : **Gạo**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 22 / 07 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 22 / 07 / 2026 - 28 / 07 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 28 / 07 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Aflatoxin B1	KPH/ N.D	µg/kg	0.15	HD.TN.007:2021 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)
Aflatoxin tổng số (B1,B2,G1,G2)	KPH/ N.D	µg/kg	0.15 mỗi chất	HD.TN.007: 2021 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)
Ochratoxin A	KPH/ N.D	µg/kg	0.6	HD.TN.075:2023 (Ref. AOAC 2000.09)(*)
Cd (Cadimi) (Cadmium)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Pb (Chì) (Lead)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01)(ICP/MS) (*)
<i>Bacillus cereus</i>	<10	CFU/g		ISO 7932:2004/Amd.1:2020 (*)
<i>Clostridium perfringens</i>	<10	CFU/g		ISO 15213-2:2023 (*)
<i>Coliforms</i>	<10	CFU/g		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007) (*)
<i>Escherichia coli</i>	<10	CFU/g		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) (*)
<i>Staphylococcus aureus</i>	<10	CFU/g		AOAC 975.55 (*)
Tổng số nấm men-nấm mốc (Yeast and Molds)	<10	CFU/g		TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (*)



- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



VILAS 357

BN: 260722021

Trang/ Page 2 / 2

Tên khách hàng / Client name: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ RAU CỦ QUẢ YẾN NGỌC
Địa chỉ / Address: 57/70/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260722021
Tên mẫu/ Name of Sample : Gạo
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 22 / 07 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 22 / 07 / 2026 - 28 / 07 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 28 / 07 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (Total plate counts)	4.0×10^1	CFU/g		ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022 (*)



Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (<10 CFU/g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g (<10 CFU/g) when the dish contains no colony

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director



MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS**



VILAS 357

BN: 260418022

Trang/ Page 1 / 3

Tên khách hàng / Client name: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ RAU CỬ QUẢ YẾN NGỌC**

Địa chỉ / Address: 57/70/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260418022
Tên mẫu/ Name of Sample : **Gạo**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa
Nền mẫu / Matrix : Gạo
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 18 / 04 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 18 / 04 / 2026 - 22 / 04 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 22 / 04 / 2026



Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Aldicarb	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Aldicarb sulfone	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Aldicarb Sulfoxide	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.081:2021 (Ref. AOAC 2007.01) (LC/MS/MS) (*)
Azinphos-methyl	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Carbaryl	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Carbofuran	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Carbofuran-3-hydroxy	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Chlorpyrifos	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Chlorpyrifos-methyl	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Demeton	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Diazinon	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Dichlorvos	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Disulfoton	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Fenchlorphos	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Fenitrothion	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS



BN: 260418022

Trang/ Page 2 / 3

Tên khách hàng / Client name: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ RAU CỦ QUẢ YẾN NGỌC

Địa chỉ / Address: 57/70/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

VILAS 357

Mã số mẫu / Sample ID : 260418022
 Tên mẫu / Name of Sample : Gạo
 Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa
 Nền mẫu / Matrix : Gạo
 Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 18 / 04 / 2026
 Thời gian phân tích / Time of analysis : 18 / 04 / 2026 - 22 / 04 / 2026
 Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 22 / 04 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Fenobucarb	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Fenthion	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Isoprocab	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Malathion	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Methacrifos	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS))
Methamidophos	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Methiocarb	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Methomyl	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Mevinphos (sum of E- and Z-isomers)	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Naled	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.081:2021 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS))
Oxamyl	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Parathion	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Parathion- methyl	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Phosphamidon	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Pirimicarb	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS**



VILAS 357

BN: 260418022

Trang/ Page 3 / 3

Tên khách hàng / Client name: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ RAU CỦ QUẢ YẾN NGỌC**
Địa chỉ / Address: 57/70/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260418022
Tên mẫu/ Name of Sample : **Gạo**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa
Nền mẫu / Matrix : Gạo
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 18 / 04 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 18 / 04 / 2026 - 22 / 04 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 22 / 04 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Pirimiphos ethyl	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Pirimiphos methyl	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Profenofos	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Propoxur	KPH/ N.D	mg/kg	0.0015	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Prothiophos	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Stirophos(Tetrachlorvinphos)	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Sulprofos	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Thiodicarb	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Trichloronat	KPH/ N.D	mg/kg	0.003	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.